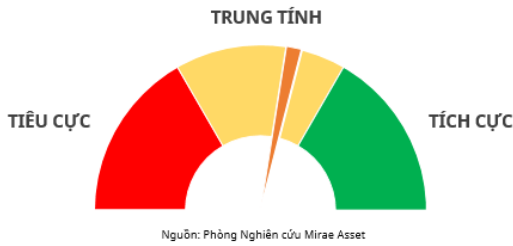


Thang đo sức mạnh thị trường



10 Tháng Năm 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraecasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,259.58	1.43	2.27	54.79
HNX	280.27	0.15	-4.60	154.74
UPCOM	80.84	-0.02	-2.62	52.78
MSCI EM	1,348.57	0.58	1.37	47.93
NIKKEI	29,518.34	0.55	-0.84	46.28
HANG SENG	28,595.66	-0.05	-0.36	18.02
KOSPI	3,249.30	1.63	3.75	66.99
FTSE	7,144.91	0.21	3.31	20.37
S&P 500	4,232.60	0.74	2.51	44.47
NASDAQ	13,752.24	0.88	-1.06	50.77

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.19	2.55	15.04
SET INDEX	38.20	1.72	4.50
JCI INDEX	28.22	1.51	4.60
PCOMP INDEX	26.94	1.56	6.07

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.15	-1	-3	-96
10 năm	2.37	0	-3	-66

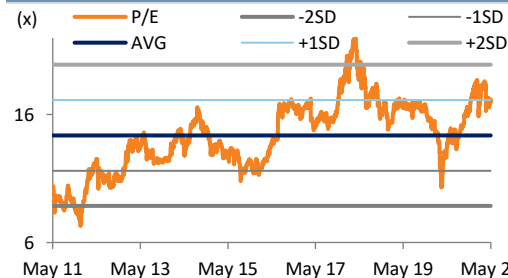
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,060	0.02	-0.01	1.13
US\$/KRW	1,114	0.68	1.00	9.58
US\$/JPY	109	-0.20	0.51	-1.07
US\$/EUR	0.82	-0.02	-2.10	-11.17
US\$/GBP	0.71	-0.73	-2.46	-12.47
US\$/SGD	1.32	0.02	1.25	6.98

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	903	789	395
HNX	94	109	52
UPCOM	41	39	25

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Blue-Chip bùng nổ

Bắt chấp số ca lây nhiễm Covid-19 trong cộng đồng tăng cao trong cuối tuần vừa qua, VN-Index có phiên giao dịch tăng điểm mạnh gây bất ngờ cho nhà đầu tư. Mở cửa trong sắc đỏ với tâm lý e ngại dịch bệnh, tuy nhiên VN-index nhanh chóng đảo chiều sang sắc xanh và đà tăng mạnh được duy trì suốt phiên. Kết phiên, Vn-Index đóng cửa tại 1.259,8 điểm, tăng 17,7 điểm, tương ứng +1,4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 23.133 tỷ đồng, HNX: 2.287 tỷ đồng, UPCOM: 1.019 tỷ đồng.

Đáng chú nhất ngày hôm nay là giao dịch bùng nổ của nhóm Blue-Chip VN30 khi mà giá trị giao dịch của 30 cổ phiếu này đã chiếm 60% giá trị giao dịch toàn sàn. Với 23/30 mã tăng, trong đó có những mã tăng từ 5%—7% như MBB, MSN, PLX, SSI, TPB, VNM. Chính dòng tiền tập trung vào nhóm Blue-Chip này đã kéo VN-Index có phiên tăng điểm tốt, trong khi độ phân hóa của thị trường không quá chênh lệch giữa số mã tăng (214) và số mã giảm (207).

Khối ngoại mua ròng nhẹ hơn 117 tỷ đồng ngày hôm nay, tập trung vào VHM và MSB.

Phiên giao dịch tăng điểm mạnh khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index được cải thiện. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đã quay về mức +3, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraecasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

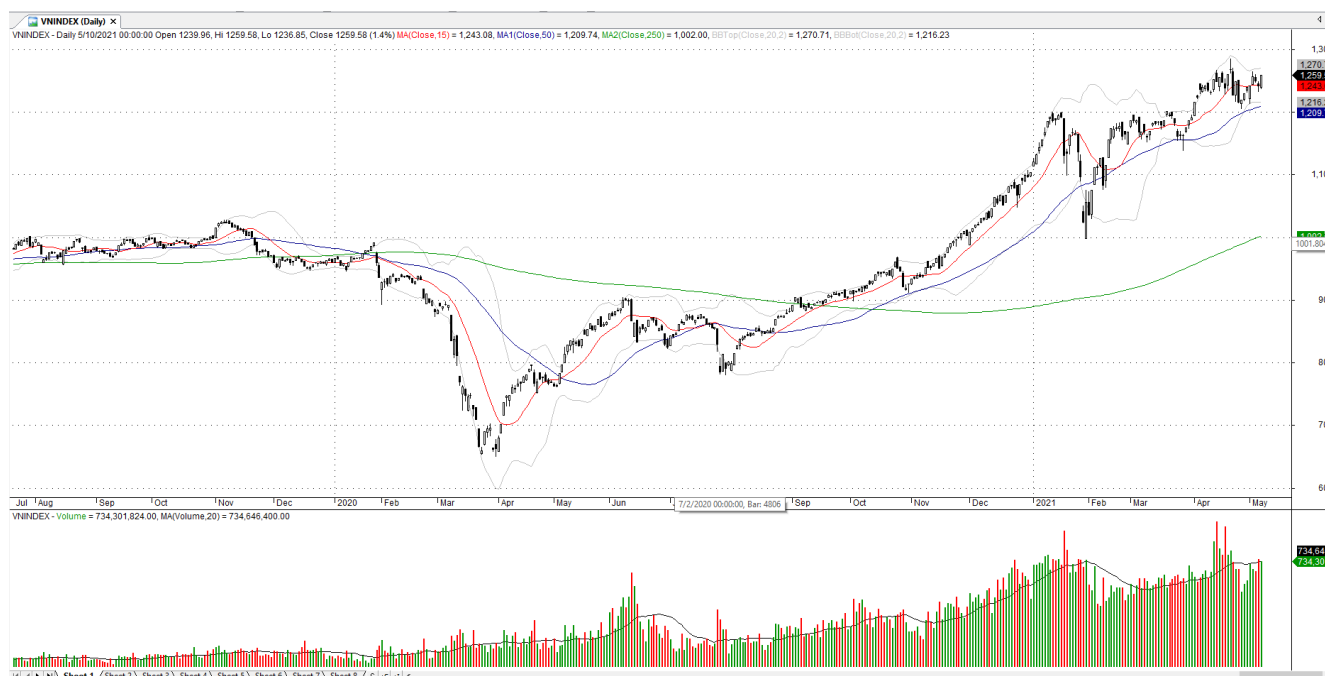
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	3	TRUNG TÍNH
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (10/05/2021)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.150

Quay trở lại đà tăng mạnh kèm theo khối lượng thanh khoản tốt, VN-Index hướng tới cột mốc kháng cự 1.270-1.280 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (10/05/2021)	1.375	Kháng cự 1	1.400
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.450
VN30 – đóng cửa	1.370,6	Hỗ trợ 1	1.300
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+4,3	Hỗ trợ 2	1.250

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	+5	KHẢ QUAN

Trước đà tăng mạnh của VN30, VN30F1M diễn biến cùng chiều, đóng cửa tại ở mức giá cao và lạc quan nhất trong ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.7	5,414,290	-6	TIÊU CỰC	3,482	11.2	1.0
ACB	36.2	8,827,585	7	KHẢ QUAN	78,248	9.1	2.1
AMD	6.87	12,329,005	-2	TRUNG TÍNH	1,123	45.7	0.6
ART	10	7,819,520	-2	TRUNG TÍNH	969	37.1	0.9
ASM	12.9	2,477,930	-7	TIÊU CỰC	3,339	7.4	0.7
BID	41.4	3,178,640	-4	TIÊU CỰC	166,512	20.2	2.1
BSR	15.3	12,028,980	-4	TIÊU CỰC	47,438	#N/A N/A	1.5
BVH	56.1	964,010	0	TRUNG TÍNH	41,644	22.0	2.0
CEO	9.4	5,125,920	-7	TIÊU CỰC	2,419	#N/A N/A	0.8
CII	20.05	2,308,740	-2	TRUNG TÍNH	4,789	357.4	1.0
CTD	57.3	592,055	-5	TIÊU CỰC	4,256	17.1	0.5
CTG	44.8	17,159,216	7	KHẢ QUAN	166,809	9.4	1.8
CTR	79.8	513,645	-5	TIÊU CỰC	5,728	20.5	5.4
DBC	56.9	1,748,260	4	KHẢ QUAN	5,961	4.1	1.3
DCM	15.95	2,698,225	-4	TIÊU CỰC	8,444	14.2	1.3
DGC	69.8	794,110	7	KHẢ QUAN	11,941	12.7	2.9
DGW	118	304,710	6	KHẢ QUAN	5,074	15.4	4.0
DIG	26.9	3,781,465	-4	TIÊU CỰC	9,329	12.3	2.0
DLG	2.86	13,082,655	-7	TIÊU CỰC	856	#N/A N/A	0.4
DXG	23.4	7,757,210	0	TRUNG TÍNH	12,128	#N/A N/A	1.8
EIB	24.9	1,399,040	-5	TIÊU CỰC	30,613	34.9	1.8
FIT	9.78	4,469,380	-7	TIÊU CỰC	2,491	36.6	0.8
FLC	11.25	33,733,720	-4	TIÊU CỰC	7,987	5.8	0.8
FPT	85.8	2,509,330	7	KHẢ QUAN	67,706	18.2	4.0
FRT	26.65	1,294,670	-7	TIÊU CỰC	2,105	112.0	1.7
GAS	86	928,940	4	KHẢ QUAN	164,600	21.8	3.3
GEX	25.75	5,980,075	-6	TIÊU CỰC	12,572	12.2	1.7
GMD	35.65	2,300,035	5	KHẢ QUAN	10,744	28.6	1.8
GVR	24.65	3,133,760	0	TRUNG TÍNH	98,600	22.6	2.1
HAG	5.25	12,154,900	-6	TIÊU CỰC	4,869	#N/A N/A	1.1
HAH	27.55	1,308,250	5	KHẢ QUAN	1,306	10.1	1.2
HAI	4.5	8,546,415	-7	TIÊU CỰC	822	89.3	0.4
HAP	14.4	2,151,150	2	TRUNG TÍNH	799	18.3	1.2
HBC	14.75	5,314,865	-7	TIÊU CỰC	3,405	38.5	0.9
HCM	33.9	4,248,305	7	KHẢ QUAN	10,341	13.8	2.2
HDB	30.8	5,996,075	7	KHẢ QUAN	49,088	10.0	2.0
HDG	40.2	975,790	4	KHẢ QUAN	6,202	5.7	1.9
HNG	10.65	13,711,075	-5	TIÊU CỰC	11,806	453.6	1.4
HPG	63	26,587,040	7	KHẢ QUAN	208,737	11.5	3.2
HPX	34	946,245	6	KHẢ QUAN	8,993	83.3	2.7
HQC	3.42	26,343,570	-6	TIÊU CỰC	1,630	228.7	0.4
HSG	39.2	12,418,270	7	KHẢ QUAN	17,429	7.4	2.2
HUT	6	6,028,580	-6	TIÊU CỰC	1,612	#N/A N/A	0.5
IDC	33.8	2,624,115	0	TRUNG TÍNH	10,140	32.3	2.8
IJC	26.2	2,664,130	4	KHẢ QUAN	5,688	8.6	1.7
ITA	7.18	20,421,836	-6	TIÊU CỰC	6,737	32.4	0.6
KBC	35.8	5,339,145	-6	TIÊU CỰC	16,817	21.8	1.6
KDC	51.1	1,157,445	-4	TIÊU CỰC	11,689	38.0	2.0
KDH	36.45	4,750,415	4	KHẢ QUAN	20,368	17.0	2.4
KLF	5.1	13,716,980	-6	TIÊU CỰC	843	#N/A N/A	0.5
KSB	27.3	1,377,530	2	TRUNG TÍNH	1,819	7.2	1.1
LCG	13.55	2,680,630	4	KHẢ QUAN	1,562	4.4	0.9

LDG	7.09	8,673,765	-7	TIÊU CỰC	1,698	154.1	0.5
LPB	21.8	16,319,450	5	KHẢ QUAN	23,427	10.4	1.6
MBB	33.2	18,900,990	7	KHẢ QUAN	92,919	9.2	1.8
MBS	25.5	1,611,480	3	TRUNG TÍNH	4,190	12.2	1.9
MSN	101.6	3,120,100	-1	TRUNG TÍNH	119,348	79.3	7.4
MWG	138.1	1,123,380	-5	TIÊU CỰC	65,657	15.3	3.8
NKG	32.1	5,372,495	7	KHẢ QUAN	5,521	9.7	1.6
NLG	38.9	2,189,340	5	KHẢ QUAN	11,097	9.7	1.7
NVB	16.6	5,647,340	-7	TIÊU CỰC	6,753	5,571.8	1.6
NVL	128.5	2,769,880	0	TRUNG TÍNH	138,100	30.7	4.4
PDR	69.9	3,639,580	-4	TIÊU CỰC	34,025	25.9	6.4
PET	21.2	1,734,815	2	TRUNG TÍNH	1,772	11.5	1.1
PHR	51.8	671,260	0	TRUNG TÍNH	7,019	7.3	2.2
PLX	53.3	1,471,460	5	KHẢ QUAN	66,295	18.3	2.8
PNJ	93.6	678,365	-5	TIÊU CỰC	21,282	18.8	3.7
POW	12.2	14,171,820	-4	TIÊU CỰC	28,571	11.8	1.0
PVD	20.2	5,684,600	0	TRUNG TÍNH	8,507	131.4	0.6
PVS	21.2	8,715,750	-2	TRUNG TÍNH	10,133	15.4	0.8
PVT	16.45	3,095,375	-4	TIÊU CỰC	5,324	7.2	1.1
REE	56.7	654,310	7	KHẢ QUAN	17,523	9.8	1.5
ROS	6.15	43,023,164	-6	TIÊU CỰC	3,491	191.9	0.6
S99	21.4	1,796,775	-5	TIÊU CỰC	1,122	6.2	1.4
SBT	19.05	2,852,870	-7	TIÊU CỰC	11,757	16.8	1.5
SCR	8	6,473,310	-7	TIÊU CỰC	2,931	16.6	0.6
SHB	24	20,186,604	-2	TRUNG TÍNH	46,214	13.8	1.8
SHS	29.2	8,345,225	-1	TRUNG TÍNH	6,052	6.2	1.6
SSI	34.7	13,253,005	5	KHẢ QUAN	22,412	12.5	2.0
STB	24.3	41,515,668	4	KHẢ QUAN	43,829	16.2	1.5
TCB	48.1	14,948,120	5	KHẢ QUAN	168,586	11.8	2.1
TCH	21.85	6,893,785	-6	TIÊU CỰC	8,181	8.5	1.5
TIG	15.3	2,290,910	5	KHẢ QUAN	1,391	16.1	1.3
TLH	18.5	2,940,070	5	KHẢ QUAN	1,862	24.4	1.2
TNG	20.2	2,009,395	-5	TIÊU CỰC	1,607	10.8	1.3
TPB	31.1	5,838,435	7	KHẢ QUAN	32,084	8.2	1.8
TSC	11.8	3,798,155	5	KHẢ QUAN	1,742	103.5	1.1
TTF	6.93	7,689,570	-4	TIÊU CỰC	2,157	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	98.1	2,111,235	-6	TIÊU CỰC	363,841	17.2	3.6
VCI	68.2	1,653,880	7	KHẢ QUAN	11,294	12.0	2.3
VHM	99.1	5,836,665	-6	TIÊU CỰC	325,991	12.6	3.6
VIB	59	969,515	7	KHẢ QUAN	65,454	12.5	3.4
VIC	132.5	2,538,090	-6	TIÊU CỰC	448,172	60.9	5.6
VIX	30.1	8,208,590	-4	TIÊU CỰC	3,844	5.7	1.9
VJC	119.2	544,020	-7	TIÊU CỰC	64,560	52.8	4.3
VND	41.5	6,668,860	5	KHẢ QUAN	8,902	7.7	2.0
VNM	93	4,755,320	-2	TRUNG TÍNH	194,366	19.9	6.2
VPB	62.3	17,445,604	7	KHẢ QUAN	152,931	13.5	2.7
VPI	34.55	1,324,180	-7	TIÊU CỰC	6,910	22.7	2.5
VRE	31.75	7,476,825	-2	TRUNG TÍNH	72,146	27.0	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Thị trường quặng sắt tăng nóng

Giá quặng sắt nhảy vọt diễn ra trong bối cảnh nhu cầu từ Trung Quốc tăng mạnh và hàng loạt hàng hóa leo dốc giữa đà hồi phục của nền kinh tế toàn cầu. Các hợp đồng tương lai quặng sắt tại Singapore tăng hơn 10% và lập kỷ lục mới ở mức 226 USD/tấn. Nguyên liệu sản xuất thép này đang trên đà tăng mạnh khi nhu cầu cao từ phía Trung Quốc khiến nguồn cung bị thắt chặt. Giá vượt 200 USD/tấn lần đầu tiên trong tuần trước. Quặng sắt chỉ là một trong hàng loạt nguyên vật liệu đã tăng mạnh trong vài tháng gần đây, từ đồng cho tới nông sản. Chỉ số giá hàng hóa giao ngay của Bloomberg khép lại tuần trước tại mức cao nhất trong gần 10 năm. Giá đồng cũng nối dài đà tăng trong ngày 10/05, vọt lên 10,500 USD/tấn. Giá thép đã tăng vọt tại Trung Quốc khi những lĩnh vực sử dụng thép như xây dựng và sản xuất tận hưởng giai đoạn bận rộn, cũng như hưởng lợi từ các biện pháp kích thích kinh tế. Các nhà sản xuất thép trên khắp thế giới như ArcelorMittal cũng đang bùng nổ khi thị trường hồi phục trở lại từ đại dịch.

Trên 100.000 tài khoản chứng khoán mở mới trong tháng 4

Theo số liệu từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD), số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới trong tháng 4 ở mức 109.998 đơn vị, gấp 3 lần so với cùng kỳ dù giảm so với mức 113.191 đơn vị của tháng 3. Đây cũng là tháng thứ 2 liên tiếp cá nhân mở mới trên 100.000 tài khoản. Lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư tổ chức trong nước cũng giảm trở lại với 123 đơn vị (tháng 3 là 149 đơn vị). Tại thời điểm 30/4, tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước đạt hơn 3,1 triệu, tăng 110.121 tài khoản so với tháng trước.

PLX: đăng ký bán tiếp 25 triệu cổ phiếu quỹ

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) thông báo quyết định HĐQT duyệt phương án đăng ký bán 25 triệu cổ phiếu quỹ. Hình thức giao dịch là khớp lệnh trên hệ thống giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Nếu giao dịch thành công, doanh nghiệp sẽ giảm lượng cổ phiếu quỹ xuống 25 triệu đơn vị. Vào tháng 3, Petrolimex vừa bán xong 25 triệu cổ phiếu quỹ cho ENEOS Corporation thu về 1.426 tỷ đồng. Sau giao dịch Petrolimex giảm lượng cổ phiếu quỹ xuống 50 triệu đơn vị. Trong khi, ENEOS tăng sở hữu lên 38 triệu cổ phiếu, tương đương 2,94% vốn Petrolimex. Trước đó, chính tổ chức này cũng đã mua 13 triệu cổ phiếu quỹ doanh nghiệp xăng dầu bán ra. ENEOS Corporation là công ty mẹ của JX Nippon Oil & Energy, cổ đông chiến lược Petrolimex.

VIC: đóng mảng điện thoại, tivi

Ngày 9-5, Tập đoàn Vingroup bắt đầu công bố VinSmart (công ty con) sẽ dừng việc nghiên cứu, sản xuất tivi và điện thoại di động để tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm điện tử và các tính năng về "Infotainment" cho ô tô VinFast. Đây là bước đi chiến lược nhằm đưa VinFast tiến đến mục tiêu trở thành một trong những hãng xe điện thông minh và tiện ích nhất thế giới. Theo quyết định mới, VinSmart sẽ dừng việc phát triển tivi và điện thoại di động, chuyển sang phát triển các tính năng thông minh trên phương tiện giao thông và nhà ở. Trong đó, trọng điểm là phát triển các tính năng thông tin - giải trí - dịch vụ (Infotainment) cho ô tô VinFast. Nhiệm vụ thứ hai là tập trung vào việc nghiên cứu, thiết kế và sản xuất các linh kiện điện tử, các tế bào pin điện, các hệ thống pin điện hoàn chỉnh và động cơ điện các loại, nhằm tăng tỉ lệ nội địa hóa và bảo đảm nguồn cung chất lượng cao cho VinFast. Bên cạnh đó, VinSmart cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh các mảng nghiên cứu hiện nay về thành phố thông minh, nhà thông minh và các thiết bị IoT liên quan để mang đến trải nghiệm sống vượt trội hơn cho người dùng.

VCI: muốn huy động 500 tỷ đồng trái phiếu, lãi suất 8%/năm

Công ty Chứng khoán Bản Việt (HoSE: VCI) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ năm 2021. Đây là loại trái phiếu ghi danh, không chuyển đổi, tín chấp, kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu 8%/năm áp dụng cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành. Các kỳ tiếp theo lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở trung hạn kỳ hạn 3 tháng của TPBank cộng biên độ 0,75%/năm và trong mọi trường hợp không thấp hơn 8%/năm. Mục đích phát hành của doanh nghiệp là tăng quy mô vốn hoạt động như bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ, thanh toán chi phí liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, bổ sung vốn chi hoạt động thường xuyên.

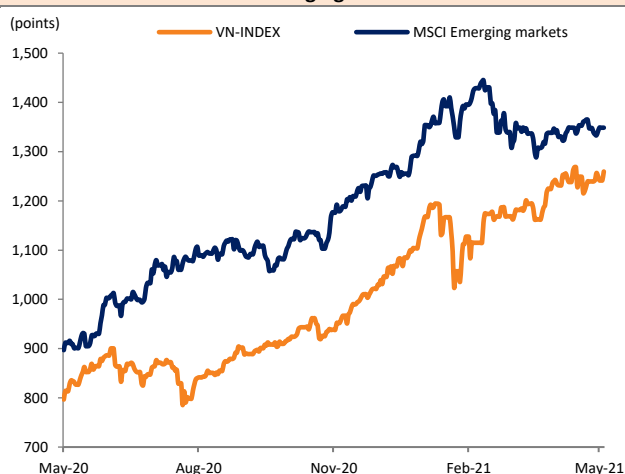
D2D: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 20%

Công ty Phát triển đô thị công nghiệp số 2 (HoSE: D2D) thông báo ngày 24/5 chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 2/2020 tỷ lệ 20%, 1 cổ phiếu nhận 2.000 đồng. Ngày thanh toán 10/6. Với hơn 30 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi 60,4 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt này. Năm 2020, mặc dù lợi nhuận doanh nghiệp khu công nghiệp giảm 28% xuống 268 tỷ đồng nhưng ban lãnh đạo vẫn quyết định chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 35%, mức cao nhất từ trước đến nay. Đơn vị đã tạm ứng tỷ lệ 15% trong năm 2020.

POM: ra khỏi diện cảnh báo từ 11/5

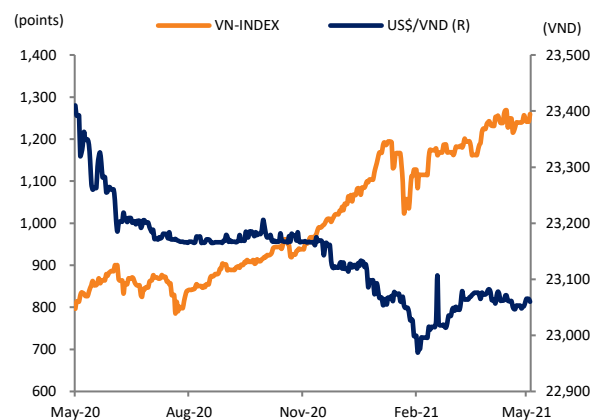
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo đưa cổ phiếu POM của Thép Pomina (HoSE: POM) ra khỏi diện cảnh báo từ ngày 11/5. Nguyên nhân là do công ty có lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2020 đạt hơn 15 tỷ đồng, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 là 1,48 tỷ đồng. Bắt đầu từ quý I/2019, hoạt động kinh doanh của Pomina sa sút, liên tục lỗ. Tính chung cả năm 2019, doanh nghiệp bị lỗ sau thuế cổ đông công ty mẹ 309 tỷ đồng, bị đưa vào diện cảnh báo từ 23/4/2020. Theo đó, cổ phiếu POM cũng không được giao dịch ký quỹ. Tuy nhiên, bối cảnh ngành thép phục hồi mạnh từ nửa cuối năm 2020 đã giúp Pomina dần kinh doanh có lãi và khắc phục lỗ lũy kế.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



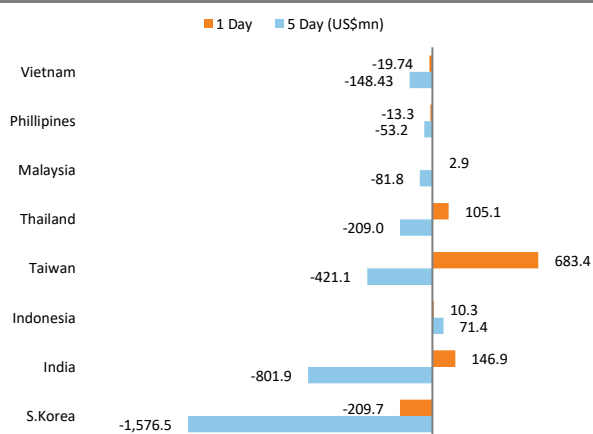
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



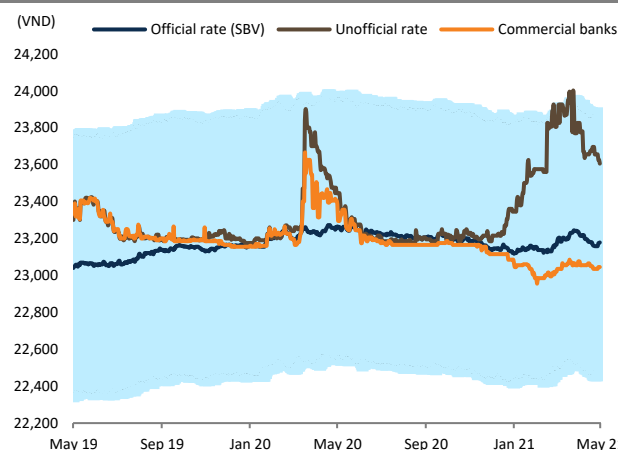
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



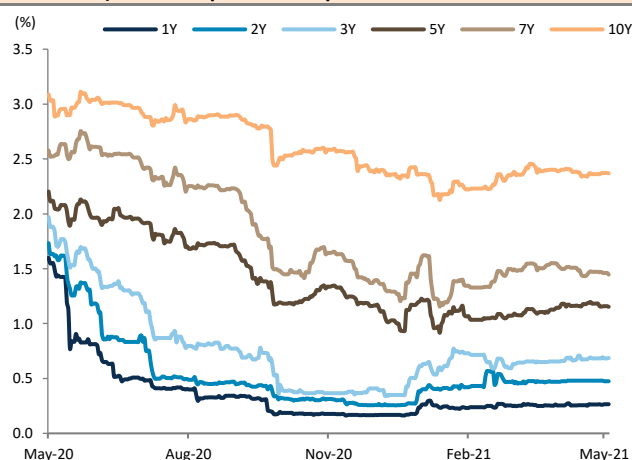
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



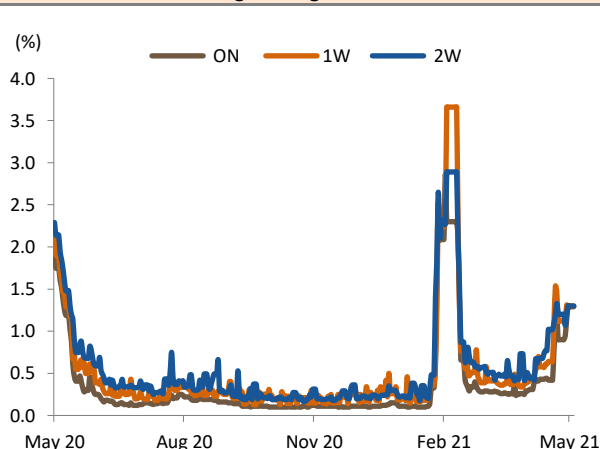
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,370.66	3,313,314		2.2	4.4	9.4	80.3	14.4	11.9	2.6	2.2	6.3	21.7	20.2	19.9
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,400	166,512	16.8	1.8	1.0	-6.5	8.9	16.8	11.9	1.8	1.5	70.1	41.8	12.0	15.2
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	56,100	41,644	27.3	3.5	-2.1	-10.1	17.1	24.1	20.8	2.0	1.9	12.2	16.0	8.3	9.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	44,800	166,809	26.0	2.3	9.8	5.4	114.4	9.5	8.6	1.6	1.5	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	85,800	67,706	49.0	3.4	6.1	4.5	83.7	17.0	14.4	3.7	3.2	22.6	18.2	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	86,000	164,600	2.5	2.4	3.0	-3.2	23.6	16.3	15.6	3.1	2.9	31.0	4.2	19.3	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	30,800	49,088	17.4	2.7	13.0	10.0	126.9	9.0	7.6	1.9	1.6	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	63,000	208,737	30.0	3.6	8.4	27.1	223.1	10.1	8.9	2.6	2.4	61.7	13.8	29.2	26.0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,450	20,368	31.7	0.4	3.7	14.4	79.3	16.9	12.5	2.3	2.0	4.8	34.6	15.0	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	33,200	92,919	22.9	5.1	9.4	5.9	132.1	8.9	7.4	1.6	1.3	25.9	19.6	20.0	20.4
Tập đoàn Masan	MSN VN	101,600	119,348	32.8	6.9	3.7	10.3	66.6	43.4	26.3	6.3	5.0	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	138,100	65,657	50.0	-1.5	-2.0	3.6	64.8	13.2	10.5	3.2	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	128,500	138,100	7.7	-5.4	-2.2	42.8	141.1	31.6	24.9	4.2	3.5	2.4	26.7	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	69,900	34,025	2.9	-1.4	-0.4	13.8	299.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,300	66,295	16.0	5.1	6.0	-4.7	21.7	19.9	16.1	2.9	2.7	289.7	24.1	16.6	17.4
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	93,600	21,282	49.0	-2.0	-4.5	3.7	60.8	17.1	13.4	3.6	3.0	27.3	27.6	22.7	23.9
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,200	28,571	3.5	0.8	-0.8	-11.6	20.8	13.4	11.3	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	56,700	17,523	49.0	1.1	5.8	6.0	85.3	9.8	8.4	1.3	1.6	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,050	11,757	8.3	-1.6	-4.8	-16.1	29.2	16.4	NA	1.4	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	34,700	22,412	45.9	6.1	6.4	-1.6	157.0	15.5	14.5	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	24,300	43,829	11.8	1.3	1.7	7.0	155.3	23.4	10.1	1.5	1.3	-16.8	132.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	48,100	168,586	22.5	2.2	17.3	15.6	154.5	11.0	9.5	1.9	1.6	24.8	15.5	18.8	18.1
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,850	8,181	11.2	-0.2	0.7	-17.2	-0.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	31,100	32,084	30.0	6.9	13.5	8.0	109.9	7.8	6.0	1.5	1.2	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,100	363,841	23.4	1.1	-1.9	0.6	33.5	17.0	13.8	3.1	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,100	325,991	22.5	2.1	-0.2	0.2	39.8	10.7	8.8	2.8	2.2	11.9	20.4	31.2	28.3
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	132,500	448,172	14.6	0.4	1.1	6.1	35.9	78.4	52.6	4.8	4.4	-0.1	48.9	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	119,200	64,560	19.1	-0.3	-4.6	-9.6	-0.7	57.7	20.4	3.8	3.0	1,476.7	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	93,000	194,366	55.2	6.9	-0.5	-6.8	6.3	18.2	16.7	5.7	5.2	7.2	9.1	34.5	34.9
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	62,300	152,931	22.3	1.3	6.5	32.0	173.2	10.2	10.6	2.3	1.9	42.4	-3.5	24.2	18.7
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,750	72,146	30.0	2.4	-0.8	-9.3	25.5	25.3	20.3	2.3	2.1	19.6	24.9	9.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	17.77	4,655,973	1.4	1.6	2.3	54.8	15.5	12.6	2.5	2.2	10.7	23.5	18.5	18.7
Ô tô và phụ tùng	0.01	8,120	0.4	-1.4	-3.0	35.3	5.8	5.5	1.1	1.0	33.5	6.3	11.6	11.2
Ngân hàng	7.57	1,520,799	1.9	1.5	7.6	76.4	12.3	9.9	2.1	1.7	32.7	19.7	18.8	18.7
Xây dựng cơ bản	-0.25	173,160	-0.5	-1.7	-5.1	77.4	5.7	4.1	0.4	0.4	6.1	35.7	5.3	6.0
Dịch vụ thương mại	0.00	4,378	0.0	-0.4	-5.7	20.1	6.1	4.9	NA	NA	31.9	26.2	11.0	12.9
May mặc và trang sức	-0.14	41,920	-1.2	-2.3	-1.3	176.6	13.7	11.2	2.8	2.3	32.0	23.4	19.5	18.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.04	8,346	-1.6	-4.1	-12.1	27.0	10.5	3.6	NA	NA	NA	NA	3.4	8.9
Dịch vụ tài chính	0.77	62,512	4.9	3.3	-2.5	146.7	11.1	5.2	0.4	NA	9.7	7.1	9.9	4.6
Năng lượng	0.94	82,979	4.5	3.6	-5.7	34.4	19.7	14.9	2.4	2.3	NA	31.2	14.4	15.2
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	4.74	504,085	3.8	0.2	-4.3	24.7	22.3	16.4	4.6	4.0	45.6	26.3	22.4	23.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	861	-0.2	-2.0	-8.5	41.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	1,889	1.9	1.2	-0.9	2.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.37	48,424	3.0	-0.4	-8.4	16.3	21.5	18.5	1.8	1.6	12.1	15.9	7.7	8.6
Nguyên vật liệu	2.81	437,447	2.5	3.9	12.1	170.7	11.9	11.5	2.0	1.3	49.1	2.6	19.7	17.6
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,672	-2.3	-7.3	-15.2	-24.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.01	34,864	-2.2	-5.9	-1.9	77.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	0.06	1,214,625	0.0	-1.7	-0.6	20.3	9.1	8.1	1.7	1.6	14.6	11.2	9.7	9.8
Bán lẻ	-0.30	74,106	0.1	-1.2	6.6	61.7	37.6	26.3	3.3	2.8	23.4	30.3	14.3	14.9
Phần mềm và dịch vụ	0.58	71,738	-1.5	-2.1	3.3	62.3	12.2	9.8	2.9	2.5	35.1	24.8	25.1	25.2
Thiết bị và phần cứng	-0.01	5,074	3.1	3.3	3.8	81.1	16.0	13.6	3.5	3.0	26.1	18.7	23.1	24.3
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,147	-0.8	0.7	-2.5	352.1	12.9	10.8	3.4	2.8	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.38	159,029	0.0	-2.5	-1.9	287.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	1.05	249,385	-0.8	-3.6	-10.4	18.6	25.8	10.2	4.3	3.5	NA	68.7	-17.7	10.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	93,000	6.9	8,176,900	3.3
MSN VN	101,600	6.9	3,909,900	2.1
HPG VN	63,000	3.6	28,160,100	1.9
VHM VN	99,100	2.1	3,933,700	1.8
MBB VN	33,200	5.1	36,389,900	1.2
VCB VN	98,100	1.1	1,674,000	1.1
GAS VN	86,000	2.4	763,900	1.0
CTG VN	44,800	2.3	25,185,800	1.0
TCB VN	48,100	2.2	19,611,400	1.0
PLX VN	53,300	5.1	2,939,400	0.9

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	128,500	-5.4	1,662,700	-2.1
SAB VN	150,500	-1.6	235,200	-0.4
MWG VN	138,100	-1.5	1,744,900	-0.3
EIB VN	24,900	-3.1	730,900	-0.3
HVN VN	26,600	-2.2	1,107,600	-0.2
BCM VN	55,000	-1.4	162,000	-0.2
LGC VN	58,200	-6.7	300	-0.2
GVR VN	24,650	-0.6	2,429,700	-0.2
PDR VN	69,900	-1.4	2,929,000	-0.1
PNJ VN	93,600	-2.0	391,400	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.